

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II**

**MÔN: ĐỊA LÍ**

**Lớp 12**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| ***Nhận biết*** | ***Thông hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Vận dụng cao*** |
| **Phân môn Địa lí** |
| 1 | Địa lí dịch vụ | – Giao thông vận tải– Bưu chính viễn thông– Thương mại– Du lịch  | **Nhận biết**– Trình bày được sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thương mại, du lịch ở Việt Nam.**Thông hiểu**– Trình bày được vai trò, các nhân tố ảnh hưởng của các ngành dịch vụ.- Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng của các ngành dịch vụ.– Phân tích được sự phân hoá lãnh thổ du lịch (các trung tâm, vùng du lịch), du lịch với sự phát triển bền vững.**Vận dụng** – Vẽ được biểu đồ, sử dụng bản đồ, số liệu để nhận xét, giải thích liên quan đến các ngành dịch vụ (giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thương mại và du lịch).**Vận dụng cao**– Tìm hiểu thực tế, viết được đoạn văn ngắn giới thiệu, quảng bá về một số hoạt động và sản phẩm dịch vụ độc đáo của địa phương, nhất là về du lịch. | 2 | 2 | 1 |  |
| 2 | Địa lí vùng kinh tế | **TD MNBB**– Khái quát về vùng– Khai thác các thế mạnh phát triển kinh tế– Ý nghĩa của phát triển kinh tế - xã hội đối với quốc phòng an ninh | **Nhận biết**– Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng.– Trình bày được việc khai thác các thế mạnh phát triển kinh tế của vùng.**Thông hiểu**– Chứng minh được các thế mạnh để phát triển kinh tế của vùng về khoáng sản và thuỷ điện, cây trồng có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới (cây công nghiệp, rau quả), chăn nuôi gia súc lớn và về kinh tế biển.– Nêu được hướng phát triển của vùng– Nêu được ý nghĩa của phát triển kinh tế - xã hội đối với quốc phòng an ninh.**Vận dụng**– Sử dụng được bản đồ và bảng số liệu để trình bày về thế mạnh và việc khai thác các thế mạnh phát triển kinh tế của vùng | 2 | 1 | 1 | 1 |
| **ĐBSH**– Khái quát về vùng– Các thế mạnh để phát triển kinh tế– Một số vấn đề phát triển kinh tế - xã hội | **Nhận biết**– Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng.**Thông hiểu**– Phân tích được các thế mạnh, hạn chế đối với việc phát triển kinh tế - xã hội của Đồng bằng sông Hồng.– Phân tích được một số vấn đề về phát triển kinh tế - xã hội của vùng: Vấn đề phát triển công nghiệp, vấn đề phát triển dịch vụ.**Vận dụng**– Sử dụng được bản đồ và bảng số liệu để trình bày về các thế mạnh của vùng. | 2 | 1 | 1 | 1 |
| **BTB**– Khái quát về vùng– Thế mạnh, hạn chế để hình thành và phát triển cơ cấu nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản | **Nhận biết**– Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng.– Trình bày được một số đặc điểm nổi bật về nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản của vùng.**Thông hiểu**– Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với việc hình thành và phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản của vùng.**Vận dụng**– Sử dụng được bản đồ và bảng số liệu để trình bày về thế mạnh và hạn chế của vùng. | 2 | 1 | 11 |  |
| **DHNTB**– Khái quát về vùng– Thế mạnh, hạn chế và việc phát triển các ngành kinh tế biển.– Ý nghĩa của phát triển kinh tế biển đối với quốc phòng an ninh. | **Nhận biết**– Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng.– Trình bày được việc phát triển các ngành kinh tế biển và nêu được hướng phát triển kinh tế biển của vùng.**Thông hiểu**– Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với phát triển các ngành kinh tế biển: khai thác tài nguyên sinh vật biển, giao thông vận tải biển, du lịch biển, khai thác khoáng sản biển.– Nêu được định hướng phát triển kinh tế biển của vùng.**Vận dụng**– Sử dụng được bản đồ và bảng số liệu để trình bày về thế mạnh phát triển các ngành kinh tế biển của vùng.**Vận dụng cao**– Liên hệ phát triển kinh tế biển với quốc phòng an ninh. | 2 | 1 | 1 |  |
| **TÂY NGUYÊN**– Khái quát về vùng– Thế mạnh, hạn chế và việc phát triển các ngành kinh tế– Ý nghĩa của phát triển kinh tế – xã hội đối với quốc phòng an ninh | **Nhận biết**– Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng.– Trình bày được sự phát triển và phân bố của cây công nghiệp lâu năm, phát triển thuỷ điện, hoạt động lâm nghiệp và bảo vệ rừng, khai thác bôxit, phát triển du lịch.**Thông hiểu**– Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với phát triển kinh tế ở Tây Nguyên về cây công nghiệp lâu năm, thuỷ điện, lâm nghiệp, khoáng sản (bôxit), du lịch.– Nêu được ý nghĩa của phát triển kinh tế - xã hội đối với quốc phòng an ninh.**Vận dụng**– Sử dụng được bản đồ và bảng số liệu để trình bày về thế mạnh và việc khai thác các thế mạnh của vùng. | 2 | 2 | 1 |  |
| **ĐNB**– Khái quát về vùng– Các thế mạnh và hạn chế để phát triển kinh tế– Phát triển các ngành kinh tế– Vấn đề bảo vệ môi trường | **Nhận biết**– Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng.– Trình bày được tình hình phát triển các ngành kinh tế: công nghiệp, dịch vụ; nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản.**Thông hiểu**– Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với phát triển kinh tế của vùng.– Trình bày được mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường.**Vận dụng**– Sử dụng được bản đồ, số liệu thống kê để trình bày về các thế mạnh và hiện trạng phát triển các ngành kinh tế. | 2 | 2 | 1 | 1 |
| **ĐBSCL**– Khái quát về vùng– Sử dụng hợp lí tự nhiên– Phát triển sản xuất lương thực và thực phẩm– Du lịch | **Nhận biết**– Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng.– Trình bày được vai trò, tình hình phát triển sản xuất lương thực và thực phẩm của vùng.– Trình bày được tài nguyên du lịch và tình hình phát triển du lịch của vùng.**Thông hiểu**– Chứng minh được các thế mạnh, hạn chế để phát triển kinh tế của vùng; trình bày được hướng sử dụng hợp lí tự nhiên của vùng.– Giải thích được tại sao phải sử dụng hợp lí tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long.**Vận dụng**– Sử dụng được bản đồ, số liệu thống kê, tư liệu, trình bày được các thế mạnh, tình hình phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm, du lịch của vùng.– Vẽ được biểu đồ kinh tế - xã hội, nhận xét và giải thích.**Vận dụng cao**- Thu thập được tài liệu và viết báo cáo về ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với Đồng bằng sông Cửu Long, các giải pháp ứng phó. | 2 | 2 | 1 | 1 |
| 3 | Chủ đề n |  |  |  |  |  |  |
| Số câu/ loại câu |  | 16 câu TNKQ | 12 câu TNKQ | 8 câu TNKQ | 4 câu TNKQ |
| **Tổng hợp chung** |  | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD&ĐT TP HCM**TRƯỜNG THPT LONG TRƯỜNG**--------------------*(Đề thi có 05 trang)* | **KIỂM TRA CUỐI HK IINĂM HỌC 2022 - 2023MÔN: ĐỊA LÍ 12***Thời gian làm bài: 45 phút(không kể thời gian phát đề)* |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Họ và tên: ............................................................................ | Số báo danh: ............. | **Mã đề 105** |

**Câu 1.** Phải đặt ra vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng chủ yếu do

 **A.** sức ép dân số đối với kinh tế - xã hội và môi trường.

 **B.** cơ cấu kinh tế theo ngành của vùng chưa hợp lí.

 **C.** tài nguyên thiên nhiên của vùng kém phong phú.

 **D.** đây là vùng có nhiều tiềm năng để phát triển kinh tế.

**Câu 2.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang vùng Tây Nguyên, cho biết nhà máy thủy điện nào sau đây được xây dựng trên sông Krông Bơ Lan?

 **A.** Đrây Hling. **B.** Vĩnh Sơn. **C.** Đa Nhim. **D.** Yaly.

**Câu 3.** Đâu là thế mạnh tự nhiên tiêu biểu của vùng Đông Nam Bộ?

 **A.** Dân cư đông, nguồn lao động dồi dào.

 **B.** Cơ sở hạ tầng ngày càng được nâng cao.

 **C.** Trình độ phát triển kinh tế cao nhất cả nước.

 **D.** Tài nguyên dầu khí ở thềm lục địa rất lớn.

**Câu 4.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, nơi nào sau đây **không** phải là bán đảo?

 **A.** Sơn Trà. **B.** Hòn Gốm. **C.** Lí Sơn. **D.** Phước Mai.

**Câu 5.** Việc hình thành cơ cấu nông lâm ngư nghiệp vùng Bắc Trung Bộ có ý nghĩa lớn nhất là

 **A.** tạo nên các sản phẩm thế mạnh của vùng.

 **B.** tạo nên thế liên hoàn trong phát triển kinh tế.

 **C.** giải quyết nhiều việc làm cho người lao động.

 **D.** giúp hình thành các mô hình sản xuất mới.

**Câu 6.** Đồng bằng sông Hồng tập trung nhiều di tích, lễ hội, các làng nghề truyền thống là do

 **A.** thành phần dân cư, dân tộc đa dạng.

 **B.** lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời.

 **C.** vị trí tiếp xúc các luồng di cư lớn.

 **D.** nền kinh tế-xã hội phát triển nhanh.

**Câu 7.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành luyện kim đen?

 **A.** Kiên Lương. **B.** Tân An. **C.** Mỹ Tho. **D.** Cần Thơ.

**Câu 8.** Nguồn thức ăn cho chăn nuôi gia súc lớn ở Trung du và miền núi nước ta chủ yếu dựa vào

 **A.** phụ phẩm thủy sản. **B.** đồng cỏ tự nhiên.

 **C.** hoa màu lương thực. **D.** thức ăn công nghiệp.

**Câu 9.** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG ĐIỆN PHÁT RA PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA

*(Đơn vị: triệu kwh)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2014** | **2015** | **2017** |
| Nhà nước | 67 678 | 123 291 | 133 081 | 165 548 |
| Ngoài Nhà nước | 1 721 | 5 941 | 7 333 | 12 622 |
| Đầu tư nước ngoài | 22 323 | 12 018 | 17 535 | 13 423 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự thay đổi cơ cấu sản lượng điện phân theo thành phần kinh tế của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

 **A.** Tròn. **B.** Cột. **C.** Đường. **D.** Miền.

**Câu 10.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ngành hàng không của nước ta hiện nay?

 **A.** Cơ sở vật chất hiện đại hóa nhanh chóng.

 **B.** Vận chuyển khối lượng hàng hóa lớn nhất.

 **C.** Mở nhiều đường bay thẳng đến các nước.

 **D.** Ngành non trẻ nhưng phát triển rất nhanh.

**Câu 11.** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển sản xuất thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

 **A.** góp phần phát triển công nghiệp và phân hóa lãnh thổ.

 **B.** thu hút các nguồn đầu tư và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

 **C.** tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa và giải quyết việc làm.

 **D.** tạo ra các nghề mới và làm thay đổi bộ mặt nông thôn.

**Câu 12.** Hạn chế lớn nhất về tự nhiên để phát triển nông nghiệp ở đồng bằng sông Cửu Long là

 **A.** tài nguyên khoáng sản hạn chế. **B.** diện tích đất phèn, đất mặn lớn.

 **C.** tài nguyên rừng đang suy giảm. **D.** ngập lụt và triều cường.

**Câu 13.** Biện pháp nào sau đây **không** phù hợp với việc cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long?

 **A.** Tăng cường khai thác rừng ngập mặn để nuôi tôm.

 **B.** Chia ruộng thành các ô nhỏ để thau chua, rửa mặn.

 **C.** Tăng cường khai thác các nguồn lợi mùa lũ.

 **D.** Lai tạo các giống lúa chịu phèn, chịu mặn.

**Câu 14.** Sau Đổi mới, hoạt động buôn bán của nước ta ngày càng mở rộng theo hướng

 **A.** chủ yếu tập trung vào thị trường Đông Nam Á.

 **B.** chủ yếu tập trung vào thị trường Trung Quốc.

 **C.** đa dạng hoá, đa phương hoá thị trường.

 **D.** chú trọng vào thị trường Nga và Đông Âu.

**Câu 15.** Mục đích chủ yếu của việc khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong công nghiệp ở Đông Nam Bộ là

 **A.** đáp ứng nhu cầu năng lượng và bảo vệ thế mạnh du lịch của vùng.

 **B.** nâng cao hiệu quả sản xuất công nghiệp, giải quyết các vấn đề xã hội.

 **C.** bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

 **D.** thu hút vốn đầu tư, đẩy nhanh sự phát triển của nền kinh tế hàng hóa.

**Câu 16.** Cho bảng số liệu:

GDP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI CỦA THÁI LAN VÀ PHI-LIP-PIN, GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

*(Đơn vị: USD)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2017** | **2019** | **2020** | **2021** |
| Thái Lan | 5968,1 | 6745,5 | 8001,8 | 7333,0 | 7645,3 |
| Phi-lip-pin | 3017,5 | 3134,1 | 3512,0 | 3323,6 | 3552,5 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2022, https://www.aseanstats.org)*

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về GDP bình quân đầu người của Thái Lan và Phi-lip-pin giai đoạn 2015 - 2021?

 **A.** Thái Lan tăng nhanh hơn Phi-lip-pin.

 **B.** Thái Lan tăng liên tục qua các năm.

 **C.** Thái Lan tăng ít hơn Phi-lip-pin.

 **D.** Phi-lip-pin liên tục qua các năm.

**Câu 17.** Việc phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Tây nguyên có ý nghĩa xã hội chủ yếu nào sau đây?

 **A.** Thúc đẩy hình thành nông trường quốc doanh.

 **B.** Tạo ra khối lượng nông sản lớn cho xuất khẩu.

 **C.** Cung cấp sản phẩm cho nhu cầu ở trong nước.

 **D.** Giải quyết việc, tạo ra tập quán sản xuất mới.

**Câu 18.** Việc tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng được thực hiện trên cơ sở chủ yếu nào sau đây?

 **A.** Đảm bảo sự phát triển bền vững.

 **B.** Hiện đại hóa công nghiệp chế biến gắn với nông nghiệp hàng hóa.

 **C.** Đảm bảo tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh, khai thác hết tự nhiên.

 **D.** Phát huy tốt nguồn lực của vùng.

**Câu 19.** Vùng gò đồi trước núi của Bắc Trung Bộ có thế mạnh về

 **A.** chăn nuôi đại gia súc. **B.** chăn nuôi gia cầm.

 **C.** cây lương thực và nuôi lợn. **D.** cây công nghiệp hàng năm.

**Câu 20.** Cho bảng số liệu:

SỐ LƯỢT KHÁCH VÀ DOANH THU TỪ CÁC CƠ SỞ LƯU TRÚ DU LỊCH NƯỚC TA,

GIAI ĐOẠN 2017 - 2021

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2017** | **2019** | **2020** | **2021** |
| Khách trong nước *(triệu lượt khách)* | 13,7 | 147,4 | 17,3 | 7,2 |
| Khách quốc tế *(triệu lượt khách)* | 132,8 | 147,4 | 162 | 78,1 |
| Doanh thu của các cơ sở lưu trú *(nghìn tỷ đồng)* | 54,4 | 60,7 | 67 | 38,6 |

Theo bảng số liệu, để thể hiện số lượt khách và doanh thu từ các cơ sở lưu trú du lịch nước ta giai đoạn 2017 - 2021, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

 **A.** Kết hợp. **B.** Cột. **C.** Đường. **D.** Miền.

**Câu 21.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang vùng Bắc Trung Bộ, cho biết khu kinh tế ven biển Nghi Sơn thuộc tỉnh nào sau đây?

 **A.** Hà Tĩnh. **B.** Quảng Bình. **C.** Nghệ An. **D.** Thanh Hoá.

**Câu 22.** Dựa vào Atlat địa lí trang vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết nhà máy nhiệt điện Phả Lại thuộc tỉnh nào sau đây?

 **A.** Bắc Ninh. **B.** Hưng Yên. **C.** Hải Dương. **D.** Quảng Ninh.

**Câu 23.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ý nghĩa của quốc lộ 1 ở nước ta?

 **A.** Kết nối hầu hết các vùng kinh tế.

 **B.** Tạo thuận lợi giao lưu Bắc - Nam.

 **C.** Tạo thuận lợi giao lưu Đông - Tây.

 **D.** Thúc đẩy nhiều đô thị lớn phát triển.

**Câu 24.** Cho biểu đồ về diện tích lúa của vùng Đồng bằng sông Hồng và Trung du và miền núi Bắc Bộ, giai đoạn 2015 - 2021:

 

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

 **A.** Cơ cấu diện tích. **B.** Sự thay đổi cơ cấu diện tích.

 **C.** Tốc độ tăng trưởng diện tích. **D.** Quy mô diện tích.

**Câu 25.** Thuận lợi chủ yếu của việc nuôi trồng thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

 **A.** liền kề với các ngư trường lớn.

 **B.** có nhiều loài cá quý, loài tôm mực.

 **C.** hoạt động chế biến hải sản đa dạng.

 **D.** bờ biển có nhiều vũng vịnh, đầm phá.

**Câu 26.** Hạn chế chủ yếu trong sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long là

 **A.** địa hình thấp, lũ kéo dài, có các vùng đất rộng lớn bị ngập sâu.

 **B.** phần lớn diện tích là đất phèn, đất mặn; có một mùa khô sâu sắc.

 **C.** một số loại đất thiếu dinh dưỡng hoặc quá chặt, khó thoát nước.

 **D.** sông ngòi, kênh rạch chằng chịt; bề mặt đồng bằng bị cắt xẻ lớn.

**Câu 27.** Trung du và miền núi Bắc Bộ có nguồn thủy năng lớn là do

 **A.** địa hình dốc và có lưu lượng nước lớn.

 **B.** nhiều sông ngòi, mưa nhiều.

 **C.** địa hình dốc, lắm thác ghềnh.

 **D.** đồi núi cao, mặt bằng rộng, mưa nhiều.

**Câu 28.** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CỦA NƯỚC TA

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2014** | **2016** | **2017** |
| Thịt hộp *(tấn)* | 4 677,0 | 4 086,0 | 4 314,0 | 4 146,0 |
| Nước mắm *(triệu lít)* | 257,1 | 334,4 | 372,2 | 380,2 |
| Thủy sản đóng hộp *(nghìn tấn)* | 76,9 | 103,5 | 102,3 | 109,0 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng một số sản phẩm công nghiệp của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

 **A.** Kết hợp. **B.** Đường. **C.** Miền. **D.** Cột.

**Câu 29.** Thế mạnh để phát triển tổng hợp kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

 **A.** khai thác khoáng sản ở thềm lục địa, giao thông biển.

 **B.** giao thông vận tải biển, nuôi trồng thủy sản.

 **C.** du lịch biển, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.

 **D.** nghề cá, du lịch biển, dịch vụ hàng hải, khai khoáng.

**Câu 30.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang vùng Đông Nam Bộ, cho biết cây công nghiệp nào sau đây được trồng phổ biến ở Đông Nam Bộ?

 **A.** Mía. **B.** Chè. **C.** Cao su. **D.** Dừa.

**Câu 31.** Tây Nguyên trở thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm lớn do điều kiện chủ yếu nào sau đây?

 **A.** Khí hậu cận xích đạo với 2 rõ rệt. **B.** Đất badan tập trung thành vùng lớn.

 **C.** Có nguồn nước dồi dào. **D.** Khí hậu phân hóa theo độ cao.

**Câu 32.** Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Đồng bằng sông Hồng nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

 **A.** Phát triển nhanh đô thị hóa; giải quyết vấn đề về tài nguyên, môi trường.

 **B.** Đẩy nhanh công nghiệp hóa và hiện đại hóa; giải quyết vấn đề việc làm.

 **C.** Phát huy các tiềm năng có sẵn; giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường.

 **D.** Tăng trưởng kinh tế nhanh; giải quyết tốt các vấn đề xã hội, môi trường.

**Câu 33.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang vùng Bắc Trung Bộ, các tuyến đường nào sau đây theo chiều Đông - Tây?

 **A.** Quốc lộ 7, 14, 15. **B.** Quốc lộ 7, 8, 9.

 **C.** Quốc lộ 8, 14, 15. **D.** Quốc lộ 9, 14, 15.

**Câu 34.** Việc khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong công nghiệp ở Đông Nam Bộ đặt ra vấn đề cấp bách là

 **A.** đào tạo nhân công lành nghề. **B.** thu hút lao động có kĩ thuật.

 **C.** xây dựng cơ sở hạ tầng. **D.** tăng cường cơ sở năng lượng.

**Câu 35.** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG LÚA CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A VÀ VIỆT NAM, GIAI ĐOẠN 2017 - 2021

*(Đơn vị: Triệu tấn)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2017** | **2020** | **2021** |
| In-đô-nê-xi-a | 81,1 | 54,4 | 57,4 |
| Việt Nam | 42,8 | 43,9 | 43,5 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2022, https://www.aseanstats.org)*

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng lúa của In-đô-nê-xi-a và Việt Nam, giai đoạn 2017 - 2021?

 **A.** Việt Nam tăng liên tục. **B.** Việt Nam giảm liên tục.

 **C.** In-đô-nê-xi-a giảm liên tục. **D.** In-đô-nê-xi-a giảm không liên tục.

**Câu 36.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang vùng Tây Nguyên, cho biết cây cao su được trồng nhiều nhất ở tỉnh nào sau đây của Tây Nguyên?

 **A.** Lâm Đồng. **B.** Gia Lai. **C.** Kon Tum. **D.** Đắc Lắk.

**Câu 37.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang vùng Đông Nam Bộ, cho biết bò được nuôi ở những tỉnh nào sau đây?

 **A.** Đồng Nai, Bình Dương. **B.** Tây Ninh, Bình Phước.

 **C.** Đồng Nai, Tây Ninh. **D.** Bình Dương, Bình Phước.

**Câu 38.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang vùng Bắc Trung Bộ, cho biết những tỉnh nào sau đây có mỏ sắt và crôm?

 **A.** Thanh Hóa, Quảng Bình. **B.** Thanh Hóa, Hà Tĩnh.

 **C.** Thanh Hóa, Nghệ An. **D.** Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế

**Câu 39.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết trung tâm công nghiệp Hà Tiên và Rạch Giá thuộc tỉnh nào sau đây?

 **A.** Bạc Liêu. **B.** An Giang. **C.** Hậu Giang. **D.** Kiên Giang.

**Câu 40.** Căn cứ vào Atlat Địa Lí Việt Nam trang vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, cho biết khai thác apatit có tỉnh nào?

 **A.** Thái Nguyên. **B.** Bắc Kạn. **C.** Tuyên Quang. **D.** Lào Cai.

***------ HẾT ------***

*- Học sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.*

*- Giám thị coi thi không giải thích gì thêm.*

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD&ĐT TP HCM**TRƯỜNG THPT LONG TRƯỜNG**--------------------*(Đề thi có 05 trang)* | **KIỂM TRA CUỐI HK IINĂM HỌC 2022 - 2023MÔN: ĐỊA LÍ 12***Thời gian làm bài: 45 phút(không kể thời gian phát đề)* |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Họ và tên: ............................................................................ | Số báo danh: ............. | **Mã đề 106** |

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

SỐ LƯỢT KHÁCH VÀ DOANH THU TỪ CÁC CƠ SỞ LƯU TRÚ DU LỊCH NƯỚC TA,

GIAI ĐOẠN 2017 - 2021

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2017** | **2019** | **2020** | **2021** |
| Khách trong nước *(triệu lượt khách)* | 13,7 | 147,4 | 17,3 | 7,2 |
| Khách quốc tế *(triệu lượt khách)* | 132,8 | 147,4 | 162 | 78,1 |
| Doanh thu của các cơ sở lưu trú *(nghìn tỷ đồng)* | 54,4 | 60,7 | 67 | 38,6 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, https://www.gso.gov.vn)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện số lượt khách và doanh thu từ các cơ sở lưu trú du lịch nước ta giai đoạn 2017 - 2021, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

 **A.** Đường. **B.** Cột. **C.** Kết hợp. **D.** Miền.

**Câu 2.** Đồng bằng sông Hồng tập trung nhiều di tích, lễ hội, các làng nghề truyền thống là do

 **A.** nền kinh tế-xã hội phát triển nhanh.

 **B.** lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời.

 **C.** vị trí tiếp xúc các luồng di cư lớn.

 **D.** thành phần dân cư, dân tộc đa dạng.

**Câu 3.** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG ĐIỆN PHÁT RA PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA

*(Đơn vị: triệu kwh)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2014** | **2015** | **2017** |
| Nhà nước | 67 678 | 123 291 | 133 081 | 165 548 |
| Ngoài Nhà nước | 1 721 | 5 941 | 7 333 | 12 622 |
| Đầu tư nước ngoài | 22 323 | 12 018 | 17 535 | 13 423 |

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự thay đổi cơ cấu sản lượng điện phân theo thành phần kinh tế của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

 **A.** Cột. **B.** Miền. **C.** Đường. **D.** Tròn.

**Câu 4.** Phải đặt ra vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng chủ yếu do

 **A.** đây là vùng có nhiều tiềm năng để phát triển kinh tế.

 **B.** cơ cấu kinh tế theo ngành của vùng chưa hợp lí.

 **C.** tài nguyên thiên nhiên của vùng kém phong phú.

 **D.** sức ép dân số đối với kinh tế - xã hội và môi trường.

**Câu 5.** Việc tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng được thực hiện trên cơ sở chủ yếu nào sau đây?

 **A.** Phát huy tốt nguồn lực của vùng.

 **B.** Hiện đại hóa công nghiệp chế biến gắn với nông nghiệp hàng hóa.

 **C.** Đảm bảo tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh, khai thác hết tự nhiên.

 **D.** Đảm bảo sự phát triển bền vững.

**Câu 6.** Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Đồng bằng sông Hồng nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

 **A.** Phát triển nhanh đô thị hóa; giải quyết vấn đề về tài nguyên, môi trường.

 **B.** Phát huy các tiềm năng có sẵn; giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường.

 **C.** Đẩy nhanh công nghiệp hóa và hiện đại hóa; giải quyết vấn đề việc làm.

 **D.** Tăng trưởng kinh tế nhanh; giải quyết tốt các vấn đề xã hội, môi trường.

**Câu 7.** Thế mạnh để phát triển tổng hợp kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

 **A.** giao thông vận tải biển, nuôi trồng thủy sản.

 **B.** khai thác khoáng sản ở thềm lục địa, giao thông biển.

 **C.** nghề cá, du lịch biển, dịch vụ hàng hải, khai khoáng.

 **D.** du lịch biển, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.

**Câu 8.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang vùng Tây Nguyên, cho biết cây cao su được trồng nhiều nhất ở tỉnh nào sau đây của Tây Nguyên?

 **A.** Kon Tum. **B.** Đắc Lắk. **C.** Lâm Đồng. **D.** Gia Lai.

**Câu 9.** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CỦA NƯỚC TA

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2014** | **2016** | **2017** |
| Thịt hộp *(tấn)* | 4 677,0 | 4 086,0 | 4 314,0 | 4 146,0 |
| Nước mắm *(triệu lít)* | 257,1 | 334,4 | 372,2 | 380,2 |
| Thủy sản đóng hộp *(nghìn tấn)* | 76,9 | 103,5 | 102,3 | 109,0 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng một số sản phẩm công nghiệp của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

 **A.** Miền. **B.** Đường. **C.** Cột. **D.** Kết hợp.

**Câu 10.** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG LÚA CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A VÀ VIỆT NAM, GIAI ĐOẠN 2017 - 2021

*(Đơn vị: Triệu tấn)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2017** | **2020** | **2021** |
| In-đô-nê-xi-a | 81,1 | 54,4 | 57,4 |
| Việt Nam | 42,8 | 43,9 | 43,5 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2022, https://www.aseanstats.org)*

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng lúa của In-đô-nê-xi-a và Việt Nam, giai đoạn 2017 - 2021?

 **A.** In-đô-nê-xi-a giảm không liên tục. **B.** In-đô-nê-xi-a giảm liên tục.

 **C.** Việt Nam tăng liên tục. **D.** Việt Nam giảm liên tục.

**Câu 11.** Thuận lợi chủ yếu của việc nuôi trồng thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

 **A.** hoạt động chế biến hải sản đa dạng.

 **B.** liền kề với các ngư trường lớn.

 **C.** bờ biển có nhiều vũng vịnh, đầm phá.

 **D.** có nhiều loài cá quý, loài tôm mực.

**Câu 12.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang vùng Bắc Trung Bộ, các tuyến đường nào sau đây theo chiều Đông - Tây?

 **A.** Quốc lộ 8, 14, 15. **B.** Quốc lộ 7, 8, 9.

 **C.** Quốc lộ 9, 14, 15. **D.** Quốc lộ 7, 14, 15.

**Câu 13.** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển sản xuất thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

 **A.** tạo ra các nghề mới và làm thay đổi bộ mặt nông thôn.

 **B.** thu hút các nguồn đầu tư và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

 **C.** góp phần phát triển công nghiệp và phân hóa lãnh thổ.

 **D.** tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa và giải quyết việc làm.

**Câu 14.** Tây Nguyên trở thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm lớn do điều kiện chủ yếu nào sau đây?

 **A.** Khí hậu cận xích đạo với 2 rõ rệt. **B.** Đất badan tập trung thành vùng lớn.

 **C.** Khí hậu phân hóa theo độ cao. **D.** Có nguồn nước dồi dào.

**Câu 15.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết trung tâm công nghiệp Hà Tiên và Rạch Giá thuộc tỉnh nào sau đây?

 **A.** Kiên Giang. **B.** Bạc Liêu. **C.** An Giang. **D.** Hậu Giang.

**Câu 16.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang vùng Bắc Trung Bộ, cho biết những tỉnh nào sau đây có mỏ sắt và crôm?

 **A.** Thanh Hóa, Hà Tĩnh. **B.** Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế

 **C.** Thanh Hóa, Nghệ An. **D.** Thanh Hóa, Quảng Bình.

**Câu 17.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang vùng Tây Nguyên, cho biết nhà máy thủy điện nào sau đây được xây dựng trên sông Krông Bơ Lan?

 **A.** Đa Nhim. **B.** Đrây Hling. **C.** Yaly. **D.** Vĩnh Sơn.

**Câu 18.** Đâu là thế mạnh tự nhiên tiêu biểu của vùng Đông Nam Bộ?

 **A.** Cơ sở hạ tầng ngày càng được nâng cao.

 **B.** Tài nguyên dầu khí ở thềm lục địa rất lớn.

 **C.** Dân cư đông, nguồn lao động dồi dào.

 **D.** Trình độ phát triển kinh tế cao nhất cả nước.

**Câu 19.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang vùng Đông Nam Bộ, cho biết bò được nuôi ở những tỉnh nào sau đây?

 **A.** Đồng Nai, Bình Dương. **B.** Tây Ninh, Bình Phước.

 **C.** Đồng Nai, Tây Ninh. **D.** Bình Dương, Bình Phước.

**Câu 20.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ý nghĩa của quốc lộ 1 ở nước ta?

 **A.** Tạo thuận lợi giao lưu Bắc - Nam.

 **B.** Kết nối hầu hết các vùng kinh tế.

 **C.** Tạo thuận lợi giao lưu Đông - Tây.

 **D.** Thúc đẩy nhiều đô thị lớn phát triển.

**Câu 21.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ngành hàng không của nước ta hiện nay?

 **A.** Ngành non trẻ nhưng phát triển rất nhanh.

 **B.** Vận chuyển khối lượng hàng hóa lớn nhất.

 **C.** Cơ sở vật chất hiện đại hóa nhanh chóng.

 **D.** Mở nhiều đường bay thẳng đến các nước.

**Câu 22.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang vùng Đông Nam Bộ, cho biết cây công nghiệp nào sau đây được trồng phổ biến ở Đông Nam Bộ?

 **A.** Cao su. **B.** Mía. **C.** Dừa. **D.** Chè.

**Câu 23.** Vùng gò đồi trước núi của Bắc Trung Bộ có thế mạnh về

 **A.** chăn nuôi gia cầm. **B.** chăn nuôi đại gia súc.

 **C.** cây công nghiệp hàng năm. **D.** cây lương thực và nuôi lợn.

**Câu 24.** Biện pháp nào sau đây **không** phù hợp với việc cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long?

 **A.** Chia ruộng thành các ô nhỏ để thau chua, rửa mặn.

 **B.** Tăng cường khai thác rừng ngập mặn để nuôi tôm.

 **C.** Lai tạo các giống lúa chịu phèn, chịu mặn.

 **D.** Tăng cường khai thác các nguồn lợi mùa lũ.

**Câu 25.** Căn cứ vào Atlat Địa Lí Việt Nam trang vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, cho biết khai thác apatit có tỉnh nào?

 **A.** Lào Cai. **B.** Thái Nguyên. **C.** Bắc Kạn. **D.** Tuyên Quang.

**Câu 26.** Việc phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Tây nguyên có ý nghĩa xã hội chủ yếu nào sau đây?

 **A.** Tạo ra khối lượng nông sản lớn cho xuất khẩu.

 **B.** Giải quyết việc, tạo ra tập quán sản xuất mới.

 **C.** Cung cấp sản phẩm cho nhu cầu ở trong nước.

 **D.** Thúc đẩy hình thành nông trường quốc doanh.

**Câu 27.** Việc khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong công nghiệp ở Đông Nam Bộ đặt ra vấn đề cấp bách là

 **A.** tăng cường cơ sở năng lượng. **B.** xây dựng cơ sở hạ tầng.

 **C.** thu hút lao động có kĩ thuật. **D.** đào tạo nhân công lành nghề.

**Câu 28.** Việc hình thành cơ cấu nông lâm ngư nghiệp vùng Bắc Trung Bộ có ý nghĩa lớn nhất là

 **A.** tạo nên thế liên hoàn trong phát triển kinh tế.

 **B.** giải quyết nhiều việc làm cho người lao động.

 **C.** giúp hình thành các mô hình sản xuất mới.

 **D.** tạo nên các sản phẩm thế mạnh của vùng.

**Câu 29.** Dựa vào Atlat địa lí trang vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết nhà máy nhiệt điện Phả Lại thuộc tỉnh nào sau đây?

 **A.** Hải Dương. **B.** Hưng Yên. **C.** Bắc Ninh. **D.** Quảng Ninh.

**Câu 30.** Hạn chế lớn nhất về tự nhiên để phát triển nông nghiệp ở đồng bằng sông Cửu Long là

 **A.** tài nguyên rừng đang suy giảm. **B.** ngập lụt và triều cường.

 **C.** diện tích đất phèn, đất mặn lớn. **D.** tài nguyên khoáng sản hạn chế.

**Câu 31.** Trung du và miền núi Bắc Bộ có nguồn thủy năng lớn là do

 **A.** nhiều sông ngòi, mưa nhiều.

 **B.** địa hình dốc và có lưu lượng nước lớn.

 **C.** địa hình dốc, lắm thác ghềnh.

 **D.** đồi núi cao, mặt bằng rộng, mưa nhiều.

**Câu 32.** Mục đích chủ yếu của việc khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong công nghiệp ở Đông Nam Bộ là

 **A.** thu hút vốn đầu tư, đẩy nhanh sự phát triển của nền kinh tế hàng hóa.

 **B.** nâng cao hiệu quả sản xuất công nghiệp, giải quyết các vấn đề xã hội.

 **C.** đáp ứng nhu cầu năng lượng và bảo vệ thế mạnh du lịch của vùng.

 **D.** bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

**Câu 33.** Nguồn thức ăn cho chăn nuôi gia súc lớn ở Trung du và miền núi nước ta chủ yếu dựa vào

 **A.** phụ phẩm thủy sản. **B.** hoa màu lương thực.

 **C.** đồng cỏ tự nhiên. **D.** thức ăn công nghiệp.

**Câu 34.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, nơi nào sau đây **không** phải là bán đảo?

 **A.** Lí Sơn. **B.** Phước Mai. **C.** Hòn Gốm. **D.** Sơn Trà.

**Câu 35.** Cho bảng số liệu:

GDP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI CỦA THÁI LAN VÀ PHI-LIP-PIN, GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

*(Đơn vị: USD)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2017** | **2019** | **2020** | **2021** |
| Thái Lan | 5968,1 | 6745,5 | 8001,8 | 7333,0 | 7645,3 |
| Phi-lip-pin | 3017,5 | 3134,1 | 3512,0 | 3323,6 | 3552,5 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2022, https://www.aseanstats.org)*

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về GDP bình quân đầu người của Thái Lan và Phi-lip-pin giai đoạn 2015 - 2021?

 **A.** Thái Lan tăng liên tục qua các năm.

 **B.** Thái Lan tăng nhanh hơn Phi-lip-pin.

 **C.** Thái Lan tăng ít hơn Phi-lip-pin.

 **D.** Phi-lip-pin liên tục qua các năm.

**Câu 36.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang vùng Bắc Trung Bộ, cho biết khu kinh tế ven biển Nghi Sơn thuộc tỉnh nào sau đây?

 **A.** Quảng Bình. **B.** Nghệ An. **C.** Thanh Hoá. **D.** Hà Tĩnh.

**Câu 37.** Hạn chế chủ yếu trong sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long là

 **A.** địa hình thấp, lũ kéo dài, có các vùng đất rộng lớn bị ngập sâu.

 **B.** một số loại đất thiếu dinh dưỡng hoặc quá chặt, khó thoát nước.

 **C.** sông ngòi, kênh rạch chằng chịt; bề mặt đồng bằng bị cắt xẻ lớn.

 **D.** phần lớn diện tích là đất phèn, đất mặn; có một mùa khô sâu sắc.

**Câu 38.** Cho biểu đồ về diện tích lúa của vùng Đồng bằng sông Hồng và Trung du và miền núi Bắc Bộ, giai đoạn 2015 - 2021:



Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

 **A.** Sự thay đổi cơ cấu diện tích. **B.** Quy mô diện tích.

 **C.** Tốc độ tăng trưởng diện tích. **D.** Cơ cấu diện tích.

**Câu 39.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành luyện kim đen?

 **A.** Cần Thơ. **B.** Kiên Lương. **C.** Mỹ Tho. **D.** Tân An.

**Câu 40.** Sau Đổi mới, hoạt động buôn bán của nước ta ngày càng mở rộng theo hướng

 **A.** chú trọng vào thị trường Nga và Đông Âu.

 **B.** đa dạng hoá, đa phương hoá thị trường.

 **C.** chủ yếu tập trung vào thị trường Trung Quốc.

 **D.** chủ yếu tập trung vào thị trường Đông Nam Á.

***------ HẾT ------***

*- Học sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.*

*- Giám thị coi thi không giải thích gì thêm.*

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD&ĐT TP HCM**TRƯỜNG THPT LONG TRƯỜNG**--------------------*(Đề thi có 05 trang)* | **KIỂM TRA CUỐI HK IINĂM HỌC 2022 - 2023MÔN: ĐỊA LÍ 12***Thời gian làm bài: 45 phút(không kể thời gian phát đề)* |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Họ và tên: ............................................................................ | Số báo danh: ............. | **Mã đề 107** |

**Câu 1.** Mục đích chủ yếu của việc khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong công nghiệp ở Đông Nam Bộ là

 **A.** đáp ứng nhu cầu năng lượng và bảo vệ thế mạnh du lịch của vùng.

 **B.** thu hút vốn đầu tư, đẩy nhanh sự phát triển của nền kinh tế hàng hóa.

 **C.** nâng cao hiệu quả sản xuất công nghiệp, giải quyết các vấn đề xã hội.

 **D.** bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

**Câu 2.** Căn cứ vào Atlat Địa Lí Việt Nam trang vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, cho biết khai thác apatit có tỉnh nào?

 **A.** Lào Cai. **B.** Thái Nguyên. **C.** Tuyên Quang. **D.** Bắc Kạn.

**Câu 3.** Phải đặt ra vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng chủ yếu do

 **A.** đây là vùng có nhiều tiềm năng để phát triển kinh tế.

 **B.** sức ép dân số đối với kinh tế - xã hội và môi trường.

 **C.** cơ cấu kinh tế theo ngành của vùng chưa hợp lí.

 **D.** tài nguyên thiên nhiên của vùng kém phong phú.

**Câu 4.** Nguồn thức ăn cho chăn nuôi gia súc lớn ở Trung du và miền núi nước ta chủ yếu dựa vào

 **A.** đồng cỏ tự nhiên. **B.** hoa màu lương thực.

 **C.** phụ phẩm thủy sản. **D.** thức ăn công nghiệp.

**Câu 5.** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG LÚA CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A VÀ VIỆT NAM, GIAI ĐOẠN 2017 - 2021

*(Đơn vị: Triệu tấn)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2017** | **2020** | **2021** |
| In-đô-nê-xi-a | 81,1 | 54,4 | 57,4 |
| Việt Nam | 42,8 | 43,9 | 43,5 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2022, https://www.aseanstats.org)*

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng lúa của In-đô-nê-xi-a và Việt Nam, giai đoạn 2017 - 2021?

 **A.** In-đô-nê-xi-a giảm liên tục. **B.** Việt Nam giảm liên tục.

 **C.** Việt Nam tăng liên tục. **D.** In-đô-nê-xi-a giảm không liên tục.

**Câu 6.** Thế mạnh để phát triển tổng hợp kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

 **A.** khai thác khoáng sản ở thềm lục địa, giao thông biển.

 **B.** nghề cá, du lịch biển, dịch vụ hàng hải, khai khoáng.

 **C.** giao thông vận tải biển, nuôi trồng thủy sản.

 **D.** du lịch biển, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.

**Câu 7.** Cho biểu đồ về diện tích lúa của vùng Đồng bằng sông Hồng và Trung du và miền núi Bắc Bộ, giai đoạn 2015 - 2021:



Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

 **A.** Tốc độ tăng trưởng diện tích. **B.** Cơ cấu diện tích.

 **C.** Quy mô diện tích. **D.** Sự thay đổi cơ cấu diện tích.

**Câu 8.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành luyện kim đen?

 **A.** Cần Thơ. **B.** Mỹ Tho. **C.** Tân An. **D.** Kiên Lương.

**Câu 9.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang vùng Tây Nguyên, cho biết nhà máy thủy điện nào sau đây được xây dựng trên sông Krông Bơ Lan?

 **A.** Yaly. **B.** Đrây Hling. **C.** Đa Nhim. **D.** Vĩnh Sơn.

**Câu 10.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang vùng Bắc Trung Bộ, các tuyến đường nào sau đây theo chiều Đông - Tây?

 **A.** Quốc lộ 7, 14, 15. **B.** Quốc lộ 7, 8, 9.

 **C.** Quốc lộ 8, 14, 15. **D.** Quốc lộ 9, 14, 15.

**Câu 11.** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển sản xuất thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

 **A.** tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa và giải quyết việc làm.

 **B.** tạo ra các nghề mới và làm thay đổi bộ mặt nông thôn.

 **C.** thu hút các nguồn đầu tư và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

 **D.** góp phần phát triển công nghiệp và phân hóa lãnh thổ.

**Câu 12.** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CỦA NƯỚC TA

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2014** | **2016** | **2017** |
| Thịt hộp *(tấn)* | 4 677,0 | 4 086,0 | 4 314,0 | 4 146,0 |
| Nước mắm *(triệu lít)* | 257,1 | 334,4 | 372,2 | 380,2 |
| Thủy sản đóng hộp *(nghìn tấn)* | 76,9 | 103,5 | 102,3 | 109,0 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng một số sản phẩm công nghiệp của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

 **A.** Kết hợp. **B.** Cột. **C.** Đường. **D.** Miền.

**Câu 13.** Sau Đổi mới, hoạt động buôn bán của nước ta ngày càng mở rộng theo hướng

 **A.** chú trọng vào thị trường Nga và Đông Âu.

 **B.** đa dạng hoá, đa phương hoá thị trường.

 **C.** chủ yếu tập trung vào thị trường Trung Quốc.

 **D.** chủ yếu tập trung vào thị trường Đông Nam Á.

**Câu 14.** Đâu là thế mạnh tự nhiên tiêu biểu của vùng Đông Nam Bộ?

 **A.** Cơ sở hạ tầng ngày càng được nâng cao.

 **B.** Dân cư đông, nguồn lao động dồi dào.

 **C.** Trình độ phát triển kinh tế cao nhất cả nước.

 **D.** Tài nguyên dầu khí ở thềm lục địa rất lớn.

**Câu 15.** Việc khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong công nghiệp ở Đông Nam Bộ đặt ra vấn đề cấp bách là

 **A.** xây dựng cơ sở hạ tầng. **B.** tăng cường cơ sở năng lượng.

 **C.** đào tạo nhân công lành nghề. **D.** thu hút lao động có kĩ thuật.

**Câu 16.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang vùng Bắc Trung Bộ, cho biết khu kinh tế ven biển Nghi Sơn thuộc tỉnh nào sau đây?

 **A.** Thanh Hoá. **B.** Quảng Bình. **C.** Nghệ An. **D.** Hà Tĩnh.

**Câu 17.** Vùng gò đồi trước núi của Bắc Trung Bộ có thế mạnh về

 **A.** cây lương thực và nuôi lợn. **B.** chăn nuôi gia cầm.

 **C.** chăn nuôi đại gia súc. **D.** cây công nghiệp hàng năm.

**Câu 18.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang vùng Đông Nam Bộ, cho biết cây công nghiệp nào sau đây được trồng phổ biến ở Đông Nam Bộ?

 **A.** Chè. **B.** Mía. **C.** Dừa. **D.** Cao su.

**Câu 19.** Thuận lợi chủ yếu của việc nuôi trồng thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

 **A.** liền kề với các ngư trường lớn.

 **B.** có nhiều loài cá quý, loài tôm mực.

 **C.** bờ biển có nhiều vũng vịnh, đầm phá.

 **D.** hoạt động chế biến hải sản đa dạng.

**Câu 20.** Dựa vào Atlat địa lí trang vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết nhà máy nhiệt điện Phả Lại thuộc tỉnh nào sau đây?

 **A.** Bắc Ninh. **B.** Quảng Ninh. **C.** Hải Dương. **D.** Hưng Yên.

**Câu 21.** Cho bảng số liệu:

GDP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI CỦA THÁI LAN VÀ PHI-LIP-PIN, GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

*(Đơn vị: USD)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2017** | **2019** | **2020** | **2021** |
| Thái Lan | 5968,1 | 6745,5 | 8001,8 | 7333,0 | 7645,3 |
| Phi-lip-pin | 3017,5 | 3134,1 | 3512,0 | 3323,6 | 3552,5 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2022, https://www.aseanstats.org)*

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về GDP bình quân đầu người của Thái Lan và Phi-lip-pin giai đoạn 2015 - 2021?

 **A.** Thái Lan tăng nhanh hơn Phi-lip-pin.

 **B.** Phi-lip-pin liên tục qua các năm.

 **C.** Thái Lan tăng ít hơn Phi-lip-pin.

 **D.** Thái Lan tăng liên tục qua các năm.

**Câu 22.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang vùng Tây Nguyên, cho biết cây cao su được trồng nhiều nhất ở tỉnh nào sau đây của Tây Nguyên?

 **A.** Đắc Lắk. **B.** Gia Lai. **C.** Lâm Đồng. **D.** Kon Tum.

**Câu 23.** Tây Nguyên trở thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm lớn do điều kiện chủ yếu nào sau đây?

 **A.** Có nguồn nước dồi dào. **B.** Đất badan tập trung thành vùng lớn.

 **C.** Khí hậu cận xích đạo với 2 rõ rệt. **D.** Khí hậu phân hóa theo độ cao.

**Câu 24.** Cho bảng số liệu:

SỐ LƯỢT KHÁCH VÀ DOANH THU TỪ CÁC CƠ SỞ LƯU TRÚ DU LỊCH NƯỚC TA,

GIAI ĐOẠN 2017 - 2021

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2017** | **2019** | **2020** | **2021** |
| Khách trong nước *(triệu lượt khách)* | 13,7 | 147,4 | 17,3 | 7,2 |
| Khách quốc tế *(triệu lượt khách)* | 132,8 | 147,4 | 162 | 78,1 |
| Doanh thu của các cơ sở lưu trú *(nghìn tỷ đồng)* | 54,4 | 60,7 | 67 | 38,6 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, https://www.gso.gov.vn)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện số lượt khách và doanh thu từ các cơ sở lưu trú du lịch nước ta giai đoạn 2017 - 2021, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

 **A.** Đường. **B.** Miền. **C.** Cột. **D.** Kết hợp.

**Câu 25.** Việc hình thành cơ cấu nông lâm ngư nghiệp vùng Bắc Trung Bộ có ý nghĩa lớn nhất là

 **A.** giúp hình thành các mô hình sản xuất mới.

 **B.** tạo nên thế liên hoàn trong phát triển kinh tế.

 **C.** tạo nên các sản phẩm thế mạnh của vùng.

 **D.** giải quyết nhiều việc làm cho người lao động.

**Câu 26.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, nơi nào sau đây **không** phải là bán đảo?

 **A.** Hòn Gốm. **B.** Phước Mai. **C.** Lí Sơn. **D.** Sơn Trà.

**Câu 27.** Hạn chế lớn nhất về tự nhiên để phát triển nông nghiệp ở đồng bằng sông Cửu Long là

 **A.** tài nguyên rừng đang suy giảm. **B.** diện tích đất phèn, đất mặn lớn.

 **C.** ngập lụt và triều cường. **D.** tài nguyên khoáng sản hạn chế.

**Câu 28.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang vùng Bắc Trung Bộ, cho biết những tỉnh nào sau đây có mỏ sắt và crôm?

 **A.** Thanh Hóa, Quảng Bình. **B.** Thanh Hóa, Hà Tĩnh.

 **C.** Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế **D.** Thanh Hóa, Nghệ An.

**Câu 29.** Hạn chế chủ yếu trong sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long là

 **A.** sông ngòi, kênh rạch chằng chịt; bề mặt đồng bằng bị cắt xẻ lớn.

 **B.** phần lớn diện tích là đất phèn, đất mặn; có một mùa khô sâu sắc.

 **C.** địa hình thấp, lũ kéo dài, có các vùng đất rộng lớn bị ngập sâu.

 **D.** một số loại đất thiếu dinh dưỡng hoặc quá chặt, khó thoát nước.

**Câu 30.** Đồng bằng sông Hồng tập trung nhiều di tích, lễ hội, các làng nghề truyền thống là do

 **A.** thành phần dân cư, dân tộc đa dạng.

 **B.** nền kinh tế-xã hội phát triển nhanh.

 **C.** vị trí tiếp xúc các luồng di cư lớn.

 **D.** lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời.

**Câu 31.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết trung tâm công nghiệp Hà Tiên và Rạch Giá thuộc tỉnh nào sau đây?

 **A.** Hậu Giang. **B.** Bạc Liêu. **C.** An Giang. **D.** Kiên Giang.

**Câu 32.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ý nghĩa của quốc lộ 1 ở nước ta?

 **A.** Thúc đẩy nhiều đô thị lớn phát triển.

 **B.** Kết nối hầu hết các vùng kinh tế.

 **C.** Tạo thuận lợi giao lưu Đông - Tây.

 **D.** Tạo thuận lợi giao lưu Bắc - Nam.

**Câu 33.** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG ĐIỆN PHÁT RA PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA

*(Đơn vị: triệu kwh)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2014** | **2015** | **2017** |
| Nhà nước | 67 678 | 123 291 | 133 081 | 165 548 |
| Ngoài Nhà nước | 1 721 | 5 941 | 7 333 | 12 622 |
| Đầu tư nước ngoài | 22 323 | 12 018 | 17 535 | 13 423 |

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự thay đổi cơ cấu sản lượng điện phân theo thành phần kinh tế của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

 **A.** Đường. **B.** Tròn. **C.** Miền. **D.** Cột.

**Câu 34.** Trung du và miền núi Bắc Bộ có nguồn thủy năng lớn là do

 **A.** địa hình dốc, lắm thác ghềnh.

 **B.** đồi núi cao, mặt bằng rộng, mưa nhiều.

 **C.** địa hình dốc và có lưu lượng nước lớn.

 **D.** nhiều sông ngòi, mưa nhiều.

**Câu 35.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang vùng Đông Nam Bộ, cho biết bò được nuôi ở những tỉnh nào sau đây?

 **A.** Tây Ninh, Bình Phước. **B.** Đồng Nai, Bình Dương.

 **C.** Đồng Nai, Tây Ninh. **D.** Bình Dương, Bình Phước.

**Câu 36.** Biện pháp nào sau đây **không** phù hợp với việc cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long?

 **A.** Chia ruộng thành các ô nhỏ để thau chua, rửa mặn.

 **B.** Lai tạo các giống lúa chịu phèn, chịu mặn.

 **C.** Tăng cường khai thác rừng ngập mặn để nuôi tôm.

 **D.** Tăng cường khai thác các nguồn lợi mùa lũ.

**Câu 37.** Việc phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Tây nguyên có ý nghĩa xã hội chủ yếu nào sau đây?

 **A.** Thúc đẩy hình thành nông trường quốc doanh.

 **B.** Cung cấp sản phẩm cho nhu cầu ở trong nước.

 **C.** Tạo ra khối lượng nông sản lớn cho xuất khẩu.

 **D.** Giải quyết việc, tạo ra tập quán sản xuất mới.

**Câu 38.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ngành hàng không của nước ta hiện nay?

 **A.** Ngành non trẻ nhưng phát triển rất nhanh.

 **B.** Mở nhiều đường bay thẳng đến các nước.

 **C.** Vận chuyển khối lượng hàng hóa lớn nhất.

 **D.** Cơ sở vật chất hiện đại hóa nhanh chóng.

**Câu 39.** Việc tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng được thực hiện trên cơ sở chủ yếu nào sau đây?

 **A.** Phát huy tốt nguồn lực của vùng.

 **B.** Hiện đại hóa công nghiệp chế biến gắn với nông nghiệp hàng hóa.

 **C.** Đảm bảo sự phát triển bền vững.

 **D.** Đảm bảo tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh, khai thác hết tự nhiên.

**Câu 40.** Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Đồng bằng sông Hồng nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

 **A.** Tăng trưởng kinh tế nhanh; giải quyết tốt các vấn đề xã hội, môi trường.

 **B.** Phát huy các tiềm năng có sẵn; giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường.

 **C.** Đẩy nhanh công nghiệp hóa và hiện đại hóa; giải quyết vấn đề việc làm.

 **D.** Phát triển nhanh đô thị hóa; giải quyết vấn đề về tài nguyên, môi trường.

***------ HẾT ------***

*- Học sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.*

*- Giám thị coi thi không giải thích gì thêm.*

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD&ĐT TP HCM**TRƯỜNG THPT LONG TRƯỜNG**--------------------*(Đề thi có 05 trang)* | **KIỂM TRA CUỐI HK IINĂM HỌC 2022 - 2023MÔN: ĐỊA LÍ 12***Thời gian làm bài: 45 phút(không kể thời gian phát đề)* |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Họ và tên: ............................................................................ | Số báo danh: ............. | **Mã đề 108** |

**Câu 1.** Cho biểu đồ về diện tích lúa của vùng Đồng bằng sông Hồng và Trung du và miền núi Bắc Bộ, giai đoạn 2015 - 2021:

 

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

 **A.** Quy mô diện tích. **B.** Sự thay đổi cơ cấu diện tích.

 **C.** Tốc độ tăng trưởng diện tích. **D.** Cơ cấu diện tích.

**Câu 2.** Cho bảng số liệu:

 GDP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI CỦA THÁI LAN VÀ PHI-LIP-PIN, GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

*(Đơn vị: USD)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2017** | **2019** | **2020** | **2021** |
| Thái Lan | 5968,1 | 6745,5 | 8001,8 | 7333,0 | 7645,3 |
| Phi-lip-pin | 3017,5 | 3134,1 | 3512,0 | 3323,6 | 3552,5 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2022, https://www.aseanstats.org)*

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về GDP bình quân đầu người của Thái Lan và Phi-lip-pin giai đoạn 2015 - 2021?

 **A.** Thái Lan tăng ít hơn Phi-lip-pin.

 **B.** Thái Lan tăng nhanh hơn Phi-lip-pin.

 **C.** Phi-lip-pin liên tục qua các năm.

 **D.** Thái Lan tăng liên tục qua các năm.

**Câu 3.** Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Đồng bằng sông Hồng nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

 **A.** Phát triển nhanh đô thị hóa; giải quyết vấn đề về tài nguyên, môi trường.

 **B.** Đẩy nhanh công nghiệp hóa và hiện đại hóa; giải quyết vấn đề việc làm.

 **C.** Phát huy các tiềm năng có sẵn; giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường.

 **D.** Tăng trưởng kinh tế nhanh; giải quyết tốt các vấn đề xã hội, môi trường.

**Câu 4.** Trung du và miền núi Bắc Bộ có nguồn thủy năng lớn là do

 **A.** địa hình dốc, lắm thác ghềnh.

 **B.** đồi núi cao, mặt bằng rộng, mưa nhiều.

 **C.** địa hình dốc và có lưu lượng nước lớn.

 **D.** nhiều sông ngòi, mưa nhiều.

**Câu 5.** Tây Nguyên trở thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm lớn do điều kiện chủ yếu nào sau đây?

 **A.** Khí hậu cận xích đạo với 2 rõ rệt. **B.** Có nguồn nước dồi dào.

 **C.** Khí hậu phân hóa theo độ cao. **D.** Đất badan tập trung thành vùng lớn.

**Câu 6.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang vùng Bắc Trung Bộ, các tuyến đường nào sau đây theo chiều Đông - Tây?

 **A.** Quốc lộ 9, 14, 15. **B.** Quốc lộ 7, 8, 9.

 **C.** Quốc lộ 7, 14, 15. **D.** Quốc lộ 8, 14, 15.

**Câu 7.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành luyện kim đen?

 **A.** Kiên Lương. **B.** Tân An. **C.** Cần Thơ. **D.** Mỹ Tho.

**Câu 8.** Thuận lợi chủ yếu của việc nuôi trồng thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

 **A.** bờ biển có nhiều vũng vịnh, đầm phá.

 **B.** liền kề với các ngư trường lớn.

 **C.** có nhiều loài cá quý, loài tôm mực.

 **D.** hoạt động chế biến hải sản đa dạng.

**Câu 9.** Biện pháp nào sau đây **không** phù hợp với việc cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long?

 **A.** Lai tạo các giống lúa chịu phèn, chịu mặn.

 **B.** Tăng cường khai thác các nguồn lợi mùa lũ.

 **C.** Chia ruộng thành các ô nhỏ để thau chua, rửa mặn.

 **D.** Tăng cường khai thác rừng ngập mặn để nuôi tôm.

**Câu 10.** Đâu là thế mạnh tự nhiên tiêu biểu của vùng Đông Nam Bộ?

 **A.** Dân cư đông, nguồn lao động dồi dào.

 **B.** Tài nguyên dầu khí ở thềm lục địa rất lớn.

 **C.** Trình độ phát triển kinh tế cao nhất cả nước.

 **D.** Cơ sở hạ tầng ngày càng được nâng cao.

**Câu 11.** Thế mạnh để phát triển tổng hợp kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

 **A.** khai thác khoáng sản ở thềm lục địa, giao thông biển.

 **B.** nghề cá, du lịch biển, dịch vụ hàng hải, khai khoáng.

 **C.** giao thông vận tải biển, nuôi trồng thủy sản.

 **D.** du lịch biển, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.

**Câu 12.** Mục đích chủ yếu của việc khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong công nghiệp ở Đông Nam Bộ là

 **A.** bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

 **B.** thu hút vốn đầu tư, đẩy nhanh sự phát triển của nền kinh tế hàng hóa.

 **C.** đáp ứng nhu cầu năng lượng và bảo vệ thế mạnh du lịch của vùng.

 **D.** nâng cao hiệu quả sản xuất công nghiệp, giải quyết các vấn đề xã hội.

**Câu 13.** Căn cứ Atlat Địa lí Việt Nam trang vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, nơi nào **không** phải là bán đảo?

 **A.** Hòn Gốm. **B.** Sơn Trà. **C.** Phước Mai. **D.** Lí Sơn.

**Câu 14.** Vùng gò đồi trước núi của Bắc Trung Bộ có thế mạnh về

 **A.** cây lương thực và nuôi lợn. **B.** chăn nuôi gia cầm.

 **C.** chăn nuôi đại gia súc. **D.** cây công nghiệp hàng năm.

**Câu 15.** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG ĐIỆN PHÁT RA PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA

*(Đơn vị: triệu kwh)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2014** | **2015** | **2017** |
| Nhà nước | 67 678 | 123 291 | 133 081 | 165 548 |
| Ngoài Nhà nước | 1 721 | 5 941 | 7 333 | 12 622 |
| Đầu tư nước ngoài | 22 323 | 12 018 | 17 535 | 13 423 |

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự thay đổi cơ cấu sản lượng điện phân theo thành phần kinh tế của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

 **A.** Cột. **B.** Miền. **C.** Đường. **D.** Tròn.

**Câu 16.** Việc khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong công nghiệp ở Đông Nam Bộ đặt ra vấn đề cấp bách là

 **A.** đào tạo nhân công lành nghề. **B.** xây dựng cơ sở hạ tầng.

 **C.** tăng cường cơ sở năng lượng. **D.** thu hút lao động có kĩ thuật.

**Câu 17.** Việc hình thành cơ cấu nông lâm ngư nghiệp vùng Bắc Trung Bộ có ý nghĩa lớn nhất là

 **A.** tạo nên thế liên hoàn trong phát triển kinh tế.

 **B.** giúp hình thành các mô hình sản xuất mới.

 **C.** tạo nên các sản phẩm thế mạnh của vùng.

 **D.** giải quyết nhiều việc làm cho người lao động.

**Câu 18.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang vùng Tây Nguyên, cho biết cây cao su được trồng nhiều nhất ở tỉnh nào sau đây của Tây Nguyên?

 **A.** Đắc Lắk. **B.** Gia Lai. **C.** Lâm Đồng. **D.** Kon Tum.

**Câu 19.** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CỦA NƯỚC TA

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2014** | **2016** | **2017** |
| Thịt hộp *(tấn)* | 4 677,0 | 4 086,0 | 4 314,0 | 4 146,0 |
| Nước mắm *(triệu lít)* | 257,1 | 334,4 | 372,2 | 380,2 |
| Thủy sản đóng hộp *(nghìn tấn)* | 76,9 | 103,5 | 102,3 | 109,0 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng một số sản phẩm công nghiệp của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

 **A.** Miền. **B.** Cột. **C.** Đường. **D.** Kết hợp.

**Câu 20.** Căn cứ vào Atlat Địa Lí Việt Nam trang vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, cho biết khai thác apatit có tỉnh nào?

 **A.** Bắc Kạn. **B.** Thái Nguyên. **C.** Lào Cai. **D.** Tuyên Quang.

**Câu 21.** Hạn chế chủ yếu trong sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long là

 **A.** một số loại đất thiếu dinh dưỡng hoặc quá chặt, khó thoát nước.

 **B.** địa hình thấp, lũ kéo dài, có các vùng đất rộng lớn bị ngập sâu.

 **C.** sông ngòi, kênh rạch chằng chịt; bề mặt đồng bằng bị cắt xẻ lớn.

 **D.** phần lớn diện tích là đất phèn, đất mặn; có một mùa khô sâu sắc.

**Câu 22.** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG LÚA CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A VÀ VIỆT NAM, GIAI ĐOẠN 2017 - 2021

*(Đơn vị: Triệu tấn)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2017** | **2020** | **2021** |
| In-đô-nê-xi-a | 81,1 | 54,4 | 57,4 |
| Việt Nam | 42,8 | 43,9 | 43,5 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2022, https://www.aseanstats.org)*

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng lúa của In-đô-nê-xi-a và Việt Nam, giai đoạn 2017 - 2021?

 **A.** Việt Nam giảm liên tục. **B.** Việt Nam tăng liên tục.

 **C.** In-đô-nê-xi-a giảm liên tục. **D.** In-đô-nê-xi-a giảm không liên tục.

**Câu 23.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ngành hàng không của nước ta hiện nay?

 **A.** Mở nhiều đường bay thẳng đến các nước.

 **B.** Vận chuyển khối lượng hàng hóa lớn nhất.

 **C.** Ngành non trẻ nhưng phát triển rất nhanh.

 **D.** Cơ sở vật chất hiện đại hóa nhanh chóng.

**Câu 24.** Việc tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng được thực hiện trên cơ sở chủ yếu nào sau đây?

 **A.** Phát huy tốt nguồn lực của vùng.

 **B.** Đảm bảo tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh, khai thác hết tự nhiên.

 **C.** Đảm bảo sự phát triển bền vững.

 **D.** Hiện đại hóa công nghiệp chế biến gắn với nông nghiệp hàng hóa.

**Câu 25.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang vùng Bắc Trung Bộ, cho biết những tỉnh nào sau đây có mỏ sắt và crôm?

 **A.** Thanh Hóa, Nghệ An. **B.** Thanh Hóa, Hà Tĩnh.

 **C.** Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế **D.** Thanh Hóa, Quảng Bình.

**Câu 26.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ý nghĩa của quốc lộ 1 ở nước ta?

 **A.** Kết nối hầu hết các vùng kinh tế.

 **B.** Tạo thuận lợi giao lưu Đông - Tây.

 **C.** Tạo thuận lợi giao lưu Bắc - Nam.

 **D.** Thúc đẩy nhiều đô thị lớn phát triển.

**Câu 27.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang vùng Tây Nguyên, cho biết nhà máy thủy điện nào sau đây được xây dựng trên sông Krông Bơ Lan?

 **A.** Vĩnh Sơn. **B.** Đrây Hling. **C.** Yaly. **D.** Đa Nhim.

**Câu 28.** Dựa vào Atlat địa lí trang vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết nhà máy nhiệt điện Phả Lại thuộc tỉnh nào sau đây?

 **A.** Quảng Ninh. **B.** Hải Dương. **C.** Hưng Yên. **D.** Bắc Ninh.

**Câu 29.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang vùng Đông Nam Bộ, cho biết bò được nuôi ở những tỉnh nào sau đây?

 **A.** Đồng Nai, Tây Ninh. **B.** Tây Ninh, Bình Phước.

 **C.** Đồng Nai, Bình Dương. **D.** Bình Dương, Bình Phước.

**Câu 30.** Cho bảng số liệu:

SỐ LƯỢT KHÁCH VÀ DOANH THU TỪ CÁC CƠ SỞ LƯU TRÚ DU LỊCH NƯỚC TA,

GIAI ĐOẠN 2017 - 2021

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2017** | **2019** | **2020** | **2021** |
| Khách trong nước *(triệu lượt khách)* | 13,7 | 147,4 | 17,3 | 7,2 |
| Khách quốc tế *(triệu lượt khách)* | 132,8 | 147,4 | 162 | 78,1 |
| Doanh thu của các cơ sở lưu trú *(nghìn tỷ đồng)* | 54,4 | 60,7 | 67 | 38,6 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, https://www.gso.gov.vn)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện số lượt khách và doanh thu từ các cơ sở lưu trú du lịch nước ta giai đoạn 2017 - 2021, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

 **A.** Đường. **B.** Kết hợp. **C.** Cột. **D.** Miền.

**Câu 31.** Phải đặt ra vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng chủ yếu do

 **A.** tài nguyên thiên nhiên của vùng kém phong phú.

 **B.** đây là vùng có nhiều tiềm năng để phát triển kinh tế.

 **C.** cơ cấu kinh tế theo ngành của vùng chưa hợp lí.

 **D.** sức ép dân số đối với kinh tế - xã hội và môi trường.

**Câu 32.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết trung tâm công nghiệp Hà Tiên và Rạch Giá thuộc tỉnh nào sau đây?

 **A.** Bạc Liêu. **B.** Kiên Giang. **C.** An Giang. **D.** Hậu Giang.

**Câu 33.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang vùng Đông Nam Bộ, cho biết cây công nghiệp nào sau đây được trồng phổ biến ở Đông Nam Bộ?

 **A.** Dừa. **B.** Cao su. **C.** Mía. **D.** Chè.

**Câu 34.** Hạn chế lớn nhất về tự nhiên để phát triển nông nghiệp ở đồng bằng sông Cửu Long là

 **A.** diện tích đất phèn, đất mặn lớn. **B.** tài nguyên rừng đang suy giảm.

 **C.** tài nguyên khoáng sản hạn chế. **D.** ngập lụt và triều cường.

**Câu 35.** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển sản xuất thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

 **A.** góp phần phát triển công nghiệp và phân hóa lãnh thổ.

 **B.** tạo ra các nghề mới và làm thay đổi bộ mặt nông thôn.

 **C.** tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa và giải quyết việc làm.

 **D.** thu hút các nguồn đầu tư và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**Câu 36.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang vùng Bắc Trung Bộ, cho biết khu kinh tế ven biển Nghi Sơn thuộc tỉnh nào sau đây?

 **A.** Thanh Hoá. **B.** Nghệ An. **C.** Hà Tĩnh. **D.** Quảng Bình.

**Câu 37.** Đồng bằng sông Hồng tập trung nhiều di tích, lễ hội, các làng nghề truyền thống là do

 **A.** thành phần dân cư, dân tộc đa dạng.

 **B.** nền kinh tế-xã hội phát triển nhanh.

 **C.** vị trí tiếp xúc các luồng di cư lớn.

 **D.** lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời.

**Câu 38.** Việc phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Tây nguyên có ý nghĩa xã hội chủ yếu nào sau đây?

 **A.** Tạo ra khối lượng nông sản lớn cho xuất khẩu.

 **B.** Cung cấp sản phẩm cho nhu cầu ở trong nước.

 **C.** Thúc đẩy hình thành nông trường quốc doanh.

 **D.** Giải quyết việc, tạo ra tập quán sản xuất mới.

**Câu 39.** Nguồn thức ăn cho chăn nuôi gia súc lớn ở Trung du và miền núi nước ta chủ yếu dựa vào

 **A.** phụ phẩm thủy sản. **B.** thức ăn công nghiệp.

 **C.** đồng cỏ tự nhiên. **D.** hoa màu lương thực.

**Câu 40.** Sau Đổi mới, hoạt động buôn bán của nước ta ngày càng mở rộng theo hướng

 **A.** chú trọng vào thị trường Nga và Đông Âu.

 **B.** đa dạng hoá, đa phương hoá thị trường.

 **C.** chủ yếu tập trung vào thị trường Trung Quốc.

 **D.** chủ yếu tập trung vào thị trường Đông Nam Á.

***------ HẾT ------***

*- Học sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.*

*- Giám thị coi thi không giải thích gì thêm.*

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đề\câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** | **17** | **18** | **19** | **20** |
| **105** | B | D | D | C | B | B | D | B | D | B | C | B | A | C | B | A | D | A | A | A |
| **106** | C | B | B | B | D | D | C | D | B | A | C | B | D | B | A | A | C | B | C | C |
| **107** | C | A | C | A | D | B | A | A | A | B | A | C | B | D | B | A | C | D | C | C |
| **108** | C | B | D | C | D | B | C | A | D | B | B | D | D | C | B | C | A | B | C | C |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đề\câu** | **21** | **22** | **23** | **24** | **25** | **26** | **27** | **28** | **29** | **30** | **31** | **32** | **33** | **34** | **35** | **36** | **37** | **38** | **39** | **40** |
| **105** | D | C | C | C | D | B | A | B | D | C | B | D | B | D | D | B | C | B | D | D |
| **106** | B | A | B | B | A | B | A | A | A | C | B | B | C | A | B | C | D | C | A | B |
| **107** | A | B | B | D | B | C | B | B | B | D | D | C | C | C | C | C | D | C | C | A |
| **108** | D | D | B | C | B | B | C | B | A | B | C | B | B | A | C | A | D | D | C | B |